

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/KDTM-ST
Ngày: 31/7/2023
Về việc: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Lưu

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26/7/2023 và 31/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số : 63/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-KDTM ngày 29/6/2023 và 27/2023/QĐST-KDTM ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Sữa H (sau đây gọi tắt là H).

Địa chỉ: KM9, đường Bắc Thăng L - Nội B, Khu công nghiệp Quang M, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quang T - Chủ tịch HĐQT.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G-Văn phòng luật sư Minh T – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xóm B, xã Uy N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Hồng Y: Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Phan X, xã Uy N, huyện Đông Anh, thành

phố Hà Nội; Ông Bùi Minh T, sinh năm 1986, địa chỉ: xã Tế T, huyện Nông C, tỉnh Thanh H.

2. Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V (sau đây gọi tắt là EM).

Địa chỉ: Km9, đường Bắc Thăng L - Nội B, Khu công nghiệp Quang M, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1986, địa chỉ: xã Tế T, huyện Nông C, tỉnh Thanh H.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh C;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C là bà Đỗ Thị Q.

Có mặt: Ông S, bà G, ông T, bà Q;

Vắng mặt: Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện và các lời khai của người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn tại Tòa án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, Công ty cổ phần Sữa H (“H”) do ông Trần Đăng T - Chủ tịch HĐQT làm đại diện có tham gia góp vốn cùng ông Nguyễn Việt L và Công ty TNHH Khang M (do ông Nguyễn Minh C – chồng bà Y) làm đại diện để thành lập Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V (“EM”), có địa chỉ tại Km số 9, đường Bắc Thăng L – Nội B (Nay là đường Võ Văn K), thị trấn Quang M, huyện M, Hà Nội. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 10 tỷ đồng và H góp 3 tỷ đồng, chiếm 30% Vốn điều lệ ban đầu, sở hữu 30.000 cổ phần mệnh giá 100.000đ/cổ phần.

Ngày 06/12/2007, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V họp Đại hội cổ đông tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng. Theo Biên bản của cuộc họp này, 50.000 cổ phần phát hành thêm do ông Nguyễn Việt L mua thêm 35.000 cổ phần và Công ty TNHH Khang M mua thêm 15.000 cổ phần, H không mua thêm cổ phần mà còn nhượng lại cho ông Nguyễn Việt L 1.500 cổ phần với giá chuyển nhượng bằng mệnh giá. Do vậy H chỉ còn sở hữu 28.500 cổ phần, tương đương 2.850.000.000 đ mệnh giá, chiếm 19% vốn điều lệ mới của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V.

Ngày 24/4/2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên của H bầu ông Hà Quang T làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày 28/6/2009, ông Trần Đăng T với tư cách là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc có Tờ trình đề nghị rút vốn khỏi Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V và đã được Hội đồng quản trị H xác nhận đồng ý.

Ngay sau đó, ông Trần Đăng T thay mặt H gửi Công văn số 74/2009/CV-HNM ngày 28/06/2009 xin rút toàn bộ vốn góp của H tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V và đã được Ông Nguyễn Minh C – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần

Thiết bị và Ô tô V (“EM”) đồng ý xác nhận và cam kết trả lại tiền vốn góp cho H trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 30/6/2009.

Sau đó, ngày 24/7/2009, ông Trần Đăng T thay mặt Bên A là Công ty cổ phần Sữa H (“H”) ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 28.500 cổ phần tương đương 2.850.000.000 đồng mệnh giá vốn góp của H cho Bên B là bà Nguyễn Thị Hồng Y với nội dung như sau:

- Bên A đồng ý chuyển nhượng cho Bên B toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Bên A tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V là 28.500 cổ phần, tương đương 2.850.000.000 đ (Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), chiếm 19% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V.

- Thời gian Bên B thanh toán cho Bên A:

+ Đợt 1: ngày 31/8/2009, số tiền 500 triệu đồng.

+ Đợt 2: ngày 30/9/2009, số tiền 1,5 tỷ đồng.

+ Đợt 3: ngày 23/10/2009, số tiền 850 triệu đồng.

Hợp đồng chuyển nhượng nói trên được ông Nguyễn Minh C – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ký xác nhận.

Sau khi ký Hợp đồng, bà Y đã không thanh toán cho H đúng tiến độ, nhưng có ông Nguyễn Minh C (chồng bà Y) thay mặt EM đã ký cam kết thanh toán cho H số tiền 2.850.000.000 đ trong vòng vòng 3 tháng kể từ ngày 30/6/2009, và sau đó có các buổi làm việc với ông Hà Quang T – Chủ tịch HĐQT mới của H, theo đó EM đứng ra nhận nợ tiền mua cổ phần cho bà Y và cam kết trả nợ trong các Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và ngày 25/7/2011. Tuy nhiên trong suốt thời gian từ đó đến nay, EM mới thay bà Y trả cho H số tiền 1.026.241.080 đồng vào các ngày:

- Ngày 30/11/2010 trả tiền góp vốn số tiền 200.000.000 đồng;

- Ngày 07/01/2011 trả tiền góp vốn số tiền 326.241.080 đồng;

- Ngày 05/06/2012 trả tiền góp vốn số tiền 500.000.000 đồng.

Công ty Sữa đã thực hiện việc yêu cầu bà Y thực hiện việc thanh toán hợp đồng thông qua công ty EM. Việc thanh toán việc chuyển nhượng cổ phần của bà Y được ông C chủ tịch EM cam kết thanh toán. Việc chuyển nhượng cổ phần đã được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Số tiền gốc góp vốn còn phải trả cho H là 1.823.758.920 đồng. Số tiền gốc góp vốn này cũng đã được ông Nguyễn Ngọc H – Phó Tổng giám đốc EM xác nhận trong biên bản làm việc ngày 12/01/2018 tại Công an huyện M và có xác nhận công nợ. Như vậy, bà Y vẫn còn đang nợ H số tiền gốc là 1.823.758.920 đồng.

Ngoài ra, căn cứ vào Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và ngày 25/7/2011 giữa EM và H, bà Y và/hoặc EM phải chịu thêm số tiền lãi chậm trả tính theo lãi suất 0,1%/ngày, tương ứng 6.496.119.693 đồng.

Tại buổi đối thoại, hòa giải giữa H và EM ngày 25/12/2018 tại UBND Thị trấn Quang M với sự tham gia và chứng kiến Đại diện UBND huyện M và UBND Thị trấn Quang M, Đại diện H và EM đã ký Biên bản làm việc thống nhất giải quyết mọi tồn tại về công nợ giữa hai bên xong trong tháng 1/2019, nhưng sau đó EM không thực hiện nội dung đã cam kết.

Việc chuyển khoản trả tiền chưa có bảng kê phân tách đó là khoản trả nợ tiền thuê mặt bằng hay trả tiền mua cổ phần. Xác định hiện tại bà Y và Công ty thiết bị ô tô phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tổng số tiền mà bà Y phải trả H tạm tính đến ngày 20/9/2022 là **8.319.878.613 đồng** (bao gồm 1.823.758.920 đồng nợ gốc và 6.496.119.693 đồng lãi chậm trả) (*có bảng tính lãi phạt chậm thanh toán kèm theo*).

Hợp đồng chuyển nhượng 28.500 cổ phần của H cho bà Y được ký kết đúng theo các quy định của pháp luật và đã được ông Nguyễn Minh C – Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt EM ký xác nhận và ký cam kết trả nợ (có trả nợ nhưng chưa trả hết nợ).

Được biết, việc chuyển nhượng cổ phần nói trên đã được EM chấp thuận và thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đã được Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội chấp thuận và cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới có tên bà Nguyễn Thị Hồng Y sở hữu 28.500 cổ phần thay thế H.

Mặc dù cho đến nay, EM vẫn chưa có bất kỳ văn bản nào gửi cho H chối từ trách nhiệm trả tiền mua cổ phần cho bà Y theo các Văn bản mà ông Nguyễn Minh C đã ký cam kết. Tuy nhiên vì việc thanh toán tiền mua cổ phần đã kéo dài nhiều năm nên H buộc phải khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng Y. H đề nghị Quý Tòa xem xét buộc và Nguyễn Thị Hồng Y phải trả cho H số tiền còn nợ từ việc nhận chuyển nhượng cổ phần của H là 1.823.758.920 đồng và yêu cầu bà Y phải trả số tiền lãi do chậm chậm thanh toán trong hơn 10 năm qua.

Hiện nay bà Y là cổ đông sáng lập của công ty EM thì số cổ phần của là 28.500 cổ phần. H đã khởi kiện bà Y về nợ tiền mua cổ phần và bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với EM về việc nợ tiền cổ phần, yêu cầu bà Y và EM liên đới trả nợ cho H.

Tại buổi làm việc giữa Công ty H với công ty EM tại Công an huyện M và một lần tại Ủy ban thị trấn Quang M, đại diện của H có quan điểm “nếu Công ty EM trả lại ngay cho H mặt bằng H mới xem xét đến việc giảm lãi cho EM. Thậm chí H nhượng bộ sẽ mua tại toàn bộ tài sản theo định giá giá trị còn lại của UBND huyện M”. Sau đó công ty EM không thực hiện theo như thỏa thuận. Nay H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ của EM với H về nợ tiền mua cổ phần và giải quyết tính lãi theo thỏa thuận tại Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ. Cụ thể: Nợ góp vốn là 2.850.000.000 đồng. EM đã trả 1.026.241.080 đồng, căn cứ theo nội dung ghi trên phiếu trả nợ từng lần mà EM trả H. Còn nợ gốc 1.823.758.920 đồng. Nếu tính lãi theo thỏa thuận trong Biên bản đối chiếu công nợ thì lãi là 6.730.222.384 đồng.

Công ty H yêu cầu đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V liên đới trả nợ tiền mua cổ phần, cụ thể:

- Về nợ gốc:

Yêu cầu Bà Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V (EM) phải trả H số tiền gốc là 1.823.758.920 tỷ đồng.

Trong các buổi hòa giải trước đây hai bên đã đối chiếu công nợ, trong đó chỉ còn 02 khoản thanh toán sau đây bên nguyên và bị đơn chưa thống nhất, cụ thể:

- Khoản thanh toán 400 triệu ngày 24/12/2010 có nội dung ghi trên Ủy nhiệm chi là trả một phần vốn góp, bên bị đơn cho rằng đây là khoản trả tiền vốn góp (tức là trả tiền mua cổ phần thay cho Bà Y). Tuy nhiên, H căn cứ công văn số 07/CV-EM ngày 01/6/2013 ông Nguyễn Bắc H – TGD ký xác nhận số tiền nợ gốc là 1.823.758.920 đồng, trong đó có bản đối chiếu công nợ kèm theo xác nhận khoản thanh toán 400 triệu đồng nói trên là trả hết tiền gốc tiền thuê nhà đất + một phần tiền lãi vay. Do vậy, H cho rằng khoản thanh toán trên không phải tiền thanh toán thay bà Y.

- Khoản thanh toán 200 triệu ngày 20/2/2017 có sao kê của Ngân hàng V nhưng không ghi nội dung cụ thể, chỉ ghi “ thanh toán tiền cho Công ty cổ phần Sữa H”, bên bị đơn cho rằng đây là khoản tiền thanh toán tiền mua cổ phần thay cho bà Y. Tuy nhiên, H căn cứ các công văn khất nợ số 0801/CV-EM ngày 08/01/2017, số 09/01/CV-EM ngày 09/01/2017, số 10.01/CV-EM ngày 10/01/2017 và Biên bản làm việc ngày 12/01/2018 tại Công an huyện M xác nhận số tiền nợ gốc vốn (tiền nợ mua cổ phần của bà Y) là 1.823.758.920 đồng.

Bởi các lẽ trên, H giữ nguyên quan điểm cho rằng Công ty cổ phần thiết bị ô tô V nợ H tiền gốc là 1.823.758.920 đồng.

- Về tiền lãi chậm trả:

Trong Biên bản bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và 25/7/2011, Đại diện theo pháp luật của 2 bên đã ký xác nhận số tiền nợ và thỏa thuận tính lãi chậm trả 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả.

Tại Tòa án, nếu bị đơn thiện chí hòa giải thành, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi theo lãi xuất quá hạn mà Ngân hàng nhà nước công bố hàng năm, cụ thể tính theo mức 150% lãi xuất do Ngân hàng công bố hàng năm là 9%/năm/dư nợ gốc/ số ngày chậm thanh toán. Tính đến thời điểm xét xử là ngày 26/7/2023 là gốc lãi là 5.027406460 đồng trong đó nợ gốc **1.823.758.920 đồng**, nợ lãi **3.222.534.611 đồng**.

Bà Đỗ Thị Q - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Hồng Y trình bày:

- Ngày 24/07/2009 Công ty cổ phần Sữa H và bà Nguyễn Thị Hồng Y ký với nhau về việc chuyển nhượng cổ phần theo đó tại điều 1 Hợp đồng quy định: Công ty cổ phần Sữa H đồng ý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng Y toàn bộ số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Sữa H tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V tương đương 2.850.000.000 đ (Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)” Điều 2 hợp đồng quy định về giá cả và phương thức thanh toán như sau:

“Giá chuyển nhượng: 100.000đ/cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng: 28.500 cổ phần

Tổng số tiền: 2.850.000.000 (Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)

Thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Ngày 31/08/2009, số tiền 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng chẵn)

Đợt 2: Ngày 30/09/2009, số tiền 1.500.000.000 đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Đợt 3: Ngày 23/10/2009, số tiền 850.000.000 đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Như vậy, theo quy định trên thì ngày 23/10/2009 là ngày cuối cùng mà bà Nguyễn Thị Hồng Y phải thanh toán số tiền cuối cùng còn lại cho Công ty cổ phần Sữa H.

Tức là sau ngày 23/10/2009 mà chưa nhận được tiền thanh toán chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Sữa H sang bà Y thì Công ty cổ phần Sữa H phải biết được quyền và lợi ích của mình bị vi phạm. Và kể từ thời điểm năm 2009 đến nay, Công ty cổ phần Sữa H chưa có bất kỳ văn bản nào gửi bà Nguyễn Thị Hồng Y yêu cầu bà Y thanh toán số tiền nói trên.

Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Sữa H do ông Hà Quang T Chủ tịch Hội đồng quản trị – người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần sữa H đã hết thời hiệu khởi kiện.

Căn cứ vào Điều 217, điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Căn cứ khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.”

Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 nêu trên thì Công ty cổ phần Sữa H muốn chuyển toàn bộ cổ phần mà mình sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V sang cho bà Nguyễn Thị Hồng Y thì phải

được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông vì thời điểm 2 bên ký kết hợp đồng ngày 24/07/2009 vẫn nằm trong thời hạn 03 năm hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này Công ty cổ phần Sữa H chuyển nhượng cổ phần cho bà Y mà chưa được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông là trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điều 123, 407 BLDS 2015 nêu trên thì hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/07/2009 bị vô hiệu.

Tại các phiên họp hòa giải, ông T, bà Q - Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V là cùng thống nhất trình bày: Ngày 24/7/2009, bà Y và công ty H có ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Bà Y công nhận việc ký hợp đồng chuyển nhượng có thật. Cổ phần chuyển nhượng là cổ phần của cổ đông sáng lập. Công nợ từ trước đến nay là do công ty EM nhận thay cho bà Y. Về khoản nợ gốc, xác định Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V chỉ nợ nguyên đơn 1.223.758.920 đồng. Giải trình như sau: Vào ngày 24/12/2010 Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã trả 400.000.000 đồng tại chứng từ chuyển khoản ngân hàng ghi nội dung là trả tiền vốn góp. Tuy nhiên, tại bản đối chiếu công nợ ngày 01/6/2013 của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V gửi cho Công ty H lại ghi là Công ty cổ phần thiết bị và ô tô trả hết tiền gốc thuê đất và 1 phần tiền lãi vay. Sở dĩ có việc ghi như trên là do kế toán của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ghi nhầm.

Về số tiền 200.000.000 đồng, vào 20/02/2017, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã chuyển cho Công ty H 200.000.000 đồng nội dung ghi là thanh toán tiền cho Công ty Sữa H. Khoản tiền này kế toán Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã hạch toán vào khoản tiền vốn góp, còn phía bên H lại trừ vào tiền thuê mặt bằng. Nay đề nghị H khấu trừ khoản tiền 400.000.000 chuyển ngày 24/12/2010 vào khoản tiền 200.000.000 đồng ngày 20/02/2017.

Về tiền lãi, do kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V gặp nhiều khó khăn nên phía Công ty đề nghị được trả toàn bộ nợ gốc theo lộ trình và xin được miễn tiền lãi. Phía Công ty EM cam kết sẽ có văn bản báo cáo về lộ trình trả nợ gốc.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc mua cổ phần của tại EM là: 1.823.758.920 đồng;

Nợ lãi: Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố hàng năm, cụ thể tính theo mức 150% lãi suất do Ngân hàng công bố hàng năm là 9%/năm/đơn vị nợ gốc/ số ngày chậm thanh toán, số tiền lãi tính toán tại Bảng kê tính lãi nộp tại phiên tòa là 3.222.534.611 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 5.027406460 đồng.

- Bà Nguyễn Thị G - Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Ngô Kim S - Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nhất trí lời khai của người đại diện nguyên đơn đồng thời phát biểu quan điểm như sau:

Thứ nhất:

Về việc chuyển nhượng cổ phần: Được sự nhất trí của Hội đồng quản trị H tại Tờ trình ngày 28/06/2009, ông Trần Đăng T – Tổng giám đốc H thay mặt Công ty gửi công văn số 74/2009/CV-HNM ngày 28/06/2009 cho Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V xin rút toàn bộ vốn góp còn lại của H tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V. Ông Nguyễn Minh C - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ký xác nhận đồng ý và cam kết thanh toán tiền vốn góp cho H trong thời gian 3 tháng kể từ ngày 30/06/2009.

- Ngày 24/07/2009, H ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 28.500 cổ phần thuộc quyền sở hữu của H tại Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V cho bà Nguyễn Thị Hồng Y, vợ ông Nguyễn Minh C chủ tịch HĐQT Công ty Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V. Tại Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng, thời hạn thanh toán gồm 3 đợt:

Đợt 1: ngày 31/8/2009, số tiền 500 triệu đồng.

Đợt 2: ngày 30/9/2009, số tiền 1,5 tỷ đồng.

Đợt 3: ngày 23/10/2009, số tiền 850 triệu đồng.

Thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và thanh toán:

Ngay trong ngày 24/7/2009, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông số 02/2009 BB-EM và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số 02/2009/QĐ-ĐHĐCĐ được 100% cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V nhất trí thông qua. Trong đó có nội dung thay đổi Cổ đông sáng lập cũ là Công ty cổ phần Sữa H bằng Cổ đông mới là bà Nguyễn Thị Hồng Y.

Tiếp theo sau đó, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã gửi Thông báo số 02/2009/TB-EM ngày 24/7/2009 tới Phòng đăng ký kinh doanh số 1–Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp, trong đó có nội dung thay đổi Cổ đông sáng lập cũ là Công ty cổ phần Sữa H bằng Cổ đông mới là bà Nguyễn Thị Hồng Y và đã được Phòng đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội chấp thuận và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0103026480 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/8/2009. Trong đó, bà Nguyễn Thị Hồng Y là cổ đông sở hữu 28.500 cổ phần (thay thế H) từ ngày 13/8/2009.

Mặc dù đã hoàn thành thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, nhưng bà Y đã không thanh toán trả tiền do nhận chuyển nhượng cổ phần cho H theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/07/2009 từ H cho bà Y.

Ngày 12/8/2010 và ngày 25/07/2011 ông Nguyễn Minh C (chồng bà Y) với tư cách là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V có làm việc với ông Hà Quang T Chủ tịch HĐQT H, theo đó Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đứng ra nhận trả nợ thay cho Bà Y và cam kết trả nợ số tiền 2,85 tỷ đồng tiền vốn góp cho

H thể hiện trong các Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và ngày 25/07/2011.

Từ đó đến nay, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V mới thay bà Y trả cho H số tiền 1.026.241.080 đồng vào các ngày:

Ngày 30/11/2010, chuyển 200 triệu đồng thanh toán tiền vốn góp;

Ngày 07/01/2011, chuyển 400 triệu đồng, trong đó Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V hạch toán và có văn bản xác nhận: Thanh toán tiền góp vốn 326.241.080 đồng và trả tiền lãi thuê nhà đất 73.758.920 đồng;

Ngày 05/06/2012 chuyển 500 triệu đồng thanh toán tiền vốn góp: (có copy các Ủy nhiệm chi do Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V xuất trình tại Tòa).

Theo Bảng đối chiếu công nợ kèm văn bản số 07-CV-EM ngày 01/6/2013 do ông Nguyễn Bắc H – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ký thì Bà Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V còn nợ H số nợ gốc tiền chuyển nhượng cổ phần (nợ vốn góp) là 1.823.758.920 đồng .

Tại buổi làm việc tại Công an huyện M ngày 12/1/2018, ông Nguyễn Ngọc H – Phó Tổng giám đốc thay mặt Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ký Biên bản làm việc xác nhận Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V còn nợ H số nợ gốc tiền chuyển nhượng cổ phần (nợ vốn góp) là 1.823.758.920 đồng.

Thứ hai:

Phát sinh lãi chậm thanh toán và tranh chấp.

Tại Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 đến ngày 01/12/2010 mà Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V chưa trả hết nợ cho H thì sẽ trả thêm tiền lãi chậm trả là 0,1%/ngày tính trên số tiền chậm trả. Vì vậy ngày 01/12/2010 được coi là ngày đến hạn thanh toán và sau thời gian này nếu bà Y hoặc Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V chưa trả hết nợ cho H thì bị tính thêm số tiền lãi phát sinh 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả.

Đến ngày 01/12/2010, bà Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V vẫn chưa trả hết nợ tiền do nhận chuyển nhượng cổ phần cho H nên căn cứ theo Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và căn cứ theo thực tế thanh toán của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V cho H, ông Hà Quang T – Chủ tịch H và ông Nguyễn Minh C - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã cùng nhau làm việc, ký Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 25/7/2011. Trong đó có nội dung: Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã nhận mức lãi suất trả chậm lãi suất 0,1%/ngày trên số tiền nợ vốn góp và chấp nhận trả lãi phát sinh từ ngày 1/12/2010 đến ngày 30/6/2011 là 503.700.365 đồng.

Thứ ba:

Số tiền nợ gốc do nhận chuyển nhượng cổ phần:

Suốt trong thời gian từ năm 2013 đến đầu 2017, bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V không thanh toán thêm cho H khoản nào.

Sau khi H có Thông báo Lần 4 số 114/2016/TB.HNM ngày 31/12/2016 yêu cầu Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V thanh toán công nợ quá hạn (có Bảng tính lãi phạt chậm thanh toán từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2016) thì Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã gửi 02 Văn bản số 0801/CV-EM ngày 08/01/2017 và số 0901/CV-EM ngày 09/01/2017 đề nghị lộ trình thanh toán tiền thuê nhà đất. Tiếp theo, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V gửi văn bản số 10.01/CV-EM ngày 10/1/2017 về việc đề nghị lộ trình thanh toán như sau:

- Về số tiền góp vốn điều lệ còn lại là 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng). Công ty xin đề nghị thanh toán làm 2 đợt cụ thể như sau:

Thanh toán lần 1: Quý II/2017: 900.000.000 đồng

Thanh toán lần 2: Quý III/2017: 900.000.000 đồng

- Về tiền thuê mặt bằng nhà đất là 1.344.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

Thanh toán lần 1 vào Quý I/2017: 500.000.000 đồng

Thanh toán lần 2 vào Quý II/2017: 500.000.000 đồng

Thanh toán lần 3 vào Quý III/2017: 344.000.000 đồng

- Về số lãi chậm nộp đề nghị tính lãi theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm hiện hành.

Sau khi gửi các văn bản nói trên, Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V tiếp tục chảy ì và chỉ thanh toán tiếp cho H số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 20/2/2017. Mặc dù trong sao kê ngân hàng khoản thanh toán này chỉ ghi nội dung là thanh toán cho Công ty cổ phần Sữa H nhưng căn cứ lộ trình thanh toán mà Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã đề nghị tại các văn bản nói trên thì khoản 200.000.000 đồng nói trên là thanh toán tiền thuê nhà đất.

Do vậy, khoản tiền nợ gốc tiền chuyển nhượng cổ phần vẫn là 1.823.758.920 đồng đúng theo bảng đối chiếu công nợ được Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V lập gửi kèm theo văn bản số 07-CV-EM ngày 01/6/2013 do ông Nguyễn Bắc H – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V ký.

Thứ tư:

Căn cứ yêu cầu Công ty cổ phần thiết bị ô tô V cùng bà Y trả tiền cho Công ty cổ phần Sữa H do bà Yên nhận chuyển nhượng cổ phần;

Vì toàn bộ 28.500 cổ phần của Công ty cổ phần Sữa H tại Công ty cổ phần thiết bị ô tô V mà bà Y nhận chuyển nhượng từ Công ty cổ phần Sữa H vẫn do Công ty cổ phần thiết bị ô tô V quản lý sử dụng và kinh doanh từ năm 2009 đến nay.

Công ty cổ phần thiết bị ô tô V đã đồng ý thay bà Y trả Công ty cổ phần Sữa H số tiền do bà Y nhận chuyển nhượng 28.500 cổ phần từ Công ty cổ phần sữa H theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/7/2009.

Điều này thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 12/8/2010 và ngày 25/07/2011; Biên bản làm việc tại Công an huyện M ngày 12/1/2018; Giấy chuyển tiền ngày

30/11/2010 chuyển 200.000.000 đồng thanh toán tiền vốn góp; Ngày 07/01/2011 chuyển 400.000.000 đồng. Trong đó Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V hạch toán và có văn bản xác nhận: Thanh toán tiền góp vốn 326.241.080 đồng và trả tiền lãi thuê nhà đất 73.758.920 đồng; Ngày 05/06/2012 chuyển 500.000.000 đồng thanh toán tiền vốn góp; Bảng đối chiếu công nợ kèm văn bản số 07-CV-EM ngày 01/6/2013 do ông Nguyễn Bắc H – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V.

Thứ năm:

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xem xét giải quyết:

Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V trả Công ty cổ phần Sữa H số tiền nợ gốc do Bà Nguyễn Thị Hồng Y nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty cổ phần Sữa H là 1.823.758.920 đồng và số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn là 150% mà ngân hàng nhà nước công bố hàng năm. Tạm tính từ ngày 01/12/2010 đến ngày 26/7/2023 là 3.221.860.150 đồng và tiền lãi kể từ ngày 29/6/2023 đến ngày bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V trả hết tiền cho Công ty cổ phần Sữa H.

Bà Đỗ Thị Q trình bày:

Căn cứ các hồ sơ tài liệu và các chứng cứ liên quan, Căn cứ biên bản hòa giải ngày 15/3/2023, ngày 06/6/2023; Căn cứ báo cáo tài chính Công ty CP Thiết Bị và Ô tô V từ năm 2008 đến nay, Bà Quan có ý kiến như sau:

1. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/7/2009 giữa Công ty CP Sữa H (H) và bà Nguyễn Thị Hồng Y bị vô hiệu do người mua cổ phần là bà Nguyễn Thị Hồng Y không trả tiền cho Công ty H, do đó các điều khoản của hợp đồng không được thực hiện :

Căn cứ theo khoản 4 điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định : *«Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 điều 122 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông ; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty»*

Như vậy, bà Y không thanh toán nên cổ phần chưa được bán và hợp đồng bị vô hiệu về mặt nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Công ty H tự tính lãi đối với số tiền gốc là trái với các điều khoản trong hợp đồng, Bởi vì :

- Trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/7/2009 giữa Công ty CP Sữa H (H) và bà Nguyễn Thị Hồng Y không có điều, khoản nào quy định tính lãi trên số tiền trả chậm.

- Năm 2009, khi Công ty EM đang làm ăn thua lỗ vẫn tạo điều kiện đồng ý cho Công ty H thoái vốn (*Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2020, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của*

mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó). H là cổ đông sáng lập Công ty EM nên phải chịu trách nhiệm về việc làm ăn thua lỗ trong công ty.

- Việc EM trả tiền cổ phần cho H được xem là việc EM đang trả tiền rút cổ phần của H khỏi EM

- Theo số liệu báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết Bị và Ô tô V từ 2008 đến nay, Công ty lỗ lũy kế 4.989.608.810 VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm tám mươi chín triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm mười nghìn đồng) nên Công ty không có nguồn để trả tiền cho H tiếp.

- Căn cứ Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại như sau:

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Như vậy, việc H yêu cầu Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V thanh toán tiền gốc và lãi là hết sức vô lý, và không đúng với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V yêu cầu H trả lại toàn bộ số cổ phần bà Nguyễn Thị Hồng Y đã mua của Công ty cổ phần Sữa H theo hợp đồng ngày 24/7/2009 nhưng không thanh toán tiền, và Công ty EM làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền rút vốn của H. Theo Điều 136 Luật Doanh nghiệp

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1,

4. Yêu cầu H trả lại toàn bộ số tiền Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã thanh toán cho Công ty cổ phần Sữa H, Số tiền:

$1.850.000.000 - 1.223.758.920 = 1.626.241.080$ VNĐ

(Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Ông Bùi Minh T nhất trí quan điểm như trình bày của bà Q.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự, phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cần rút kinh nghiệm vụ án để lâu.

- Về đường lối: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán và lãi theo sự tự nguyện của nguyên đơn đề xuất tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu của đại diện bị đơn về tuyên Hợp đồng vô hiệu. Không xem xét các yêu cầu bị đơn đưa ra tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa Công ty H với bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty EM là tranh chấp giữa pháp nhân với cá nhân được có tên trong đăng ký kinh doanh với tư cách là thành viên sáng lập doanh nghiệp EM, mục đích lợi nhuận được xác định khi trở thành thành viên sáng lập của EM, đồng thời còn tranh chấp giữa Pháp nhân với pháp nhân trong hoạt động kinh doanh, xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Do nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần nên xác định đây là quan hệ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu, không tranh chấp nội dung hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định của khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn bà Y có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn xã Uy N. Quá trình tố tụng, nguyên đơn khởi kiện bổ sung bị đơn là Công ty cổ phần Thiết bị ô tô V có trụ sở tại thị trấn Quang M, huyện M, TP Hà Nội. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi cư trú của một trong các bị đơn. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, có thay đổi về người đại diện theo pháp luật. Theo đó, ông Nguyễn Bắc H thay ông Nguyễn Minh C làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V. Tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự 2015: “Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân”. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký Hợp đồng kinh tế và các văn bản đối chiếu công nợ đã ký kết.

Về luật nội dung áp dụng để giải quyết vụ án: Mặc dù Biên bản đối chiếu công nợ được ký kết vào 12/8/2010 và 25/7/2011. Tuy nhiên, nghĩa vụ nợ vẫn được thỏa thuận thực hiện kéo dài đến thời điểm năm 2018. Quá trình vừa thực hiện cam kết và thỏa thuận trong Biên bản đối chiếu công nợ, phía bị đơn vẫn tiếp tục thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ. Trong nội dung Biên bản làm việc ngày 12/01/2018 tại

Công an huyện M, giữa H và EM tiếp tục thỏa thuận lại thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 31/12/2019. Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 thấy: Các bên thỏa thuận trả nợ ngày 12/01/2018, là thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn Công ty H khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty EM để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền mua cổ phần tại Công ty EM.

Nguyên nhân và nội dung tranh chấp: Ngày 24/7/2009, Bà Y và H ký hợp đồng chuyển nhượng 28.500 cổ phần của H tại EM với giá 2.850.000 đồng. Giữa các bên không có tranh chấp gì về điều khoản của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.

Sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần, bà Y thay thế H trở thành thành viên sáng lập của EM, đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/4/2013. EM đứng ra nhận trả nợ thay cho bà Y khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần cho H trong các Biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 12/8/2010 và ngày 25/7/2011.

Thực tế, EM đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần là 1.026.241.080 đồng cho H và được H chấp nhận cho trả nợ thay, vào các ngày:

- Ngày 30/11/2010 trả tiền góp vốn số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 07/01/2011 trả tiền góp vốn số tiền 326.241.080 đồng;
- Ngày 05/06/2012 trả tiền góp vốn số tiền 500.000.000 đồng.

Phía Công ty EM đã gửi đến H các công văn khất nợ số 0801/CV-EM ngày 08/01/2017, số 09/01/CV-EM ngày 09/01/2017, số 10.01/CV-EM ngày 10/01/2017 và Biên bản làm việc ngày 12/01/2018 tại Công an huyện M xác nhận số tiền nợ góp vốn (tiền nợ mua cổ phần của bà Y) là 1.823.758.920 đồng.

Do bà Y và EM chưa thực hiện nốt nghĩa vụ trả nợ tiền mua cổ phần, việc EM và H thực hiện đối chiếu công nợ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ mới mà chỉ xác định nghĩa vụ nợ của EM và bà Nguyễn Thị Hồng Y phải thanh toán cho H nên xác định đây là “ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu đối với khoản nợ mua cổ phần **1.823.758.920 đồng**. Đối với quan hệ pháp luật này, không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với nợ gốc. Do vậy, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu và yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận: EM sử dụng chứng từ thanh toán nợ cổ phần của H để kê khai thuế và có đưa vào báo cáo tài chính; Bà Y là thành viên sáng lập, thuộc diện được báo cáo nhưng không phản đối việc trả nợ

thay của EM; Việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán nợ tiền nhận chuyển nhượng cổ phần từ bà Nguyễn Thị Hồng Y sang công ty EM được sự đồng ý của bên có quyền là Công ty H phù hợp quy định tại Điều 274 Bộ luật Dân sự. Việc chuyển giao nghĩa vụ trả tiền là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu các đồng bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả khoản tiền nợ cổ phần **1.823.758.920 đồng** là có căn cứ, được chấp nhận.

Về lãi: Tại Biên bản làm việc giữa H và EM, hai doanh nghiệp đối chiếu công nợ và cam kết thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nợ với H trong đó có nợ vốn góp, ngày 31/12/2019 là thời hạn cuối cùng các bên thực hiện nghĩa vụ đối với nhau, đây là thời điểm tính lại thời hạn do bên có nghĩa vụ thừa nhận thực hiện một phần nghĩa vụ, tháng 4/2020, nguyên đơn nộp đơn yêu cầu khởi kiện là vẫn còn thời hiệu để yêu cầu tiền lãi trên dư nợ gốc.

Như vậy, có thể xác định rằng bị đơn có nợ nguyên đơn, khoản nợ gốc cụ thể được thể hiện trong yêu cầu của nguyên đơn **1.823.758.920 đồng**. Nguyên đơn đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ. Theo nguyên tắc “có nợ phải trả”, đã hưởng quyền thì phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng mới hợp lẽ công bằng. Bị đơn phải trả nguyên đơn nợ gốc là 1.823.758.920 đồng;

Tại văn bản đối chiếu công nợ, các bên thỏa thuận lãi chậm trả là 01%/ngày là cao so với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện đề nghị tính theo 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước (9%) là trong phạm vi khởi kiện, phù hợp pháp luật, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty EM phải trả nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi mua cổ phần còn thiếu, cụ thể là: Nợ gốc: 1.823.758.920 đồng; Nợ lãi: 3.222.534.611 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 5.027.406.460 đồng.

2.2. Quá trình tố tụng, bị đơn có quan điểm phản đối yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng: Vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần do vô hiệu vì “việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập cho người không phải thành viên công ty không có sự đồng ý của đại hội đồng cổ đông” đã phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án vì các tài liệu có trong hồ sơ do Tòa án thu thập được thể hiện: Đại hội đồng cổ đông EM có biên bản chấp nhận cho H bán cổ phần cho bà Y bằng văn bản, có Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và thông báo thay đổi lần thứ 6 gửi Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội để thay đổi đưa bà Y thay thế H trở thành thành viên sáng lập EM. Hợp đồng đã hoàn thành, EM và bà Y đã kinh doanh từ thời điểm nhận chuyển nhượng đến thời điểm hiện tại, đã thực hiện một phần nghĩa vụ, trả nợ một phần tiền mua cổ phần. Không có văn bản nào từ chối nghĩa vụ nợ đến thời điểm khởi kiện.

Xét những quan điểm và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện bị đơn bà Đỗ Thị Q, ông Bùi Minh T tại phiên tòa như:

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp được ký giữa H với bà Y nhưng bản chất là EM mua lại vốn góp của H. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp,

thành viên Hội đồng quản trị không được mua quá 30% cổ phần phổ thông. EM mua lại cổ phần của H là trái pháp luật.

- Bà Y không ủy quyền cho EM trả thay khoản nợ cổ phần của bà Y cho H không biết EM trả nợ thay cho mình khoản nợ cổ phần tại H”.

- Hợp đồng vô hiệu về nội dung do bà Y chưa thanh toán đủ tiền cho H theo khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không quy định lãi chậm trả nên không có căn cứ buộc EM trả lãi chậm trả cho H

- Năm 2009, EM làm ăn thua lỗ vẫn cho H thoái vốn nên H phải chịu trách nhiệm về việc làm ăn thua lỗ của EM, EM trả tiền cho H là trả tiền thoái vốn của H tại EM, do thua lỗ nên EM không có nguồn tiền trả H tiếp. Do vậy H yêu cầu EM trả gốc và lãi là không đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

- Yêu cầu H trả lại toàn bộ số cổ phần bà Nguyễn Thị Hồng Y đã mua của Công ty cổ phần Sữa H theo hợp đồng ngày 24/7/2009 nhưng không thanh toán tiền, và Công ty EM làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền rút vốn của H theo Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V yêu cầu H trả lại toàn bộ số cổ phần bà Nguyễn Thị Hồng Y đã mua của Công ty cổ phần Sữa H theo hợp đồng ngày 24/7/2009 nhưng không thanh toán tiền, và Công ty EM làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền rút vốn của H theo Điều 136 Luật Doanh nghiệp

- Yêu cầu H trả lại toàn bộ số tiền Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V đã thanh toán cho Công ty cổ phần Sữa H, Số tiền:

$1.850.000.000 - 1.223.758.920 = 1.626.241.080$ VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Thấy rằng: Những quan điểm, lời trình bày trên tại phiên tòa của đại diện bị đơn tại phiên tòa nhằm mục đích đối trừ hoặc từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Yêu cầu và lời trình bày của người đại diện bị đơn đưa ra sau khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có quyền yêu cầu phản tố tại phiên tòa mà chỉ có quyền yêu cầu trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời phải xuất trình các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình mới có cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vấn đề bị đơn cho rằng bà Y không ủy quyền cho EM trả nợ thay. Tuy nhiên, cho dù không có ủy quyền trả nợ thay nhưng với tư cách là thành viên sáng lập của EM, được thông qua báo cáo tài chính, báo cáo thuế, được thực hiện quyền của Cổ đông sáng lập, bà Y buộc phải biết về nghĩa vụ của mình và EM đối với H, bà Y buộc phải biết việc EM thay mình trả nợ H, nếu có phản đối phải có văn bản gửi EM. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện EM thừa nhận

chứng từ trả nợ cổ phần của H được dùng kê khai báo cáo thuế và báo cáo tài chính các bên thừa nhận bà Y không phản đối EM trả nợ thay.

Thực tế Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký giữa H với bà Y, không ký với EM. EM thay thế bà Y trả nợ vì bà Y là thành viên sáng lập của EM, hưởng quyền lợi của Cổ đông sáng lập. Hơn nữa, thời điểm nhận chuyển nhượng cổ phần, bà Y và ông Nguyễn Minh C - Đại diện theo pháp luật của EM là vợ chồng đang cùng chung sống, lại có mối liên hệ mật thiết trong công việc. Do vậy, đại diện bị đơn khai bà Y không biết, không được thông báo, không ủy quyền cho Công ty EM nhận nợ thay bà Y là không khách quan, không trung thực, không coi là chứng cứ có giá trị chứng minh cho yêu cầu đề nghị của bị đơn.

Bị đơn khai thực chất hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là do EM mua lại cổ phần của H, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.2. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, xem xét lời khai của các đương sự để giải quyết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp các đương sự có yêu cầu giải quyết tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có thể yêu cầu bằng vụ án khác khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Các yêu cầu của bị đơn đưa ra tại phiên tòa Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu 113.027.406 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 280, 155, 157, 429 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 200, 220, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Buộc Bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty cổ phần Thiết bị và Ô tô V (sau đây gọi tắt là EM) liên đới trả nguyên đơn:

Nợ gốc: 1.823.758.920 đồng

Nợ lãi: 3.222.534.611 đồng.

Tổng cộng gốc lãi là 5.027406460 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Các bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.027.406 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả nguyên đơn số tiền án phí đã nộp là: 15.000.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0008964 ngày 30/3/2021

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- THA huyện Đông Anh;
- Lưu HSơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Triệu Thuý Hà**

